

# TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

(2 tiết)

HỒ CHÍ MINH

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hiểu được nội dung chính của *Tuyên ngôn Độc lập* : một bản tổng kết về lịch sử dân tộc dưới ách thực dân Pháp – một thời kì lịch sử đầy đau thương nhưng vô cùng anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập, tự do của nước Việt Nam trước toàn thế giới.

– Hiểu được giá trị của áng văn nghị luận chính trị bất hủ : lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng hùng hồn, tạo nên sức thuyết phục to lớn.

## II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

### 1. Về nội dung

#### a) Về văn chính luận

*Tuyên ngôn Độc lập* là một bài văn chính luận. Văn chính luận thuyết phục người đọc bằng những lí lẽ, nếu đánh địch thì cũng đánh bằng những lí lẽ. Lợi khí của nó là những lí lẽ đanh thép, những lập luận chặt chẽ, những bằng chứng hùng hồn không ai chối cãi được. Văn chính luận nếu có dùng đến hình ảnh, có gợi đến tình cảm thì cũng chỉ để phụ giúp thêm cho sự thuyết phục bằng lí lẽ. Ở đây, nhiệt tình của tác giả thể hiện chủ yếu ở sự mài sắc những lí lẽ.

#### b) Đối tượng và mục đích của bản *Tuyên ngôn Độc lập*

Hồ Chí Minh viết bản *Tuyên ngôn* nhằm nói với đối tượng nào ? Câu hỏi có vẻ thừa bởi vì mở đầu tác phẩm, tác giả đã ghi rõ : "Hỡi đồng bào cả nước,".

Thực ra, đối tượng hướng tới của bản *Tuyên ngôn* là các nước trên thế giới, chủ yếu là phe Đồng minh, trong đó có Anh, Mĩ, đặc biệt là Pháp. Vì thế cần phải phân tích tình hình chính trị của đất nước ta khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn* mới hiểu được cụ thể đối tượng và mục đích của bài nghị luận chính trị này.

Vào thời điểm Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* thì ở phía nam, thực dân Pháp núp sau lưng quân đội Anh (vào giải giáp quân đội Nhật đã đầu hàng Đồng minh) đang tiến vào Đông Dương, còn ở phía bắc thì bọn Tàu – Tưởng, tay sai của đế quốc Mĩ, đã chực sẵn ở biên giới để đổ quân vào nước ta. Và người đọc bản *Tuyên ngôn* đã biết trước rằng "mâu thuẫn giữa Anh – Pháp – Mĩ và Liên Xô có thể làm cho Anh – Mĩ nhân nhượng với Pháp, để cho Pháp trở lại Đông Dương"<sup>(1)</sup> và tên thực dân này, để chuẩn bị cho cuộc xâm lược lần thứ hai của chúng, đã tung ra trong dư luận quốc tế những lí lẽ của bọn ăn cướp : Đông Dương vốn là thuộc địa của Pháp, Pháp đã có công khai hoá đất nước này, nay trở lại là lẽ đương nhiên và "hợp pháp", khi phát xít Nhật đã bị Đồng minh đánh bại.

Vậy là đối tượng của bản *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ là quốc dân đồng bào, mà còn nhằm vào bọn đế quốc Anh, Mĩ, đặc biệt là thực dân Pháp. Và nội dung của bản *Tuyên ngôn* còn có thể xem là một cuộc tranh luận ngầm với những đối tượng ấy.

Xác định được đối tượng của bản *Tuyên ngôn* như vậy ta mới hiểu được nội dung tư tưởng, cách lập luận, hệ thống lí lẽ và các bằng chứng được đưa ra trong bản *Tuyên ngôn*.

c) Về việc trích dẫn lời văn của hai bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Mĩ và bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Pháp

Văn nghị luận thường triển khai các lí lẽ từ một luận đề có tính chất nguyên lí, gọi là tiên đề. Cách lập luận và lí lẽ của một bài văn nghị luận muốn có sức thuyết phục thì phải xuất phát từ một tiên đề có giá trị như một chân lí không ai chối cãi được.

Lời văn được tác giả *Tuyên ngôn Độc lập* trích từ hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mĩ là những danh ngôn, nghĩa là những chân lí lớn của nhân loại, không ai có thể bác bỏ được. Đó đồng thời lại là tư tưởng của chính tổ tiên người Pháp, người Mĩ, vậy không có lí gì mà người Pháp, người Mĩ, dù là thực dân đế quốc đi nữa, lại dám phản bác lại tổ tiên của mình. Hồ Chí Minh từng nói, đối với kẻ địch "chúng ta phải khôn khéo và kiên quyết"<sup>(2)</sup>. Việc viện dẫn những danh ngôn của cách mạng Pháp và Mĩ để mở đầu cho bản *Tuyên ngôn Độc lập* là một lập luận "vừa kiên quyết vừa khôn khéo" có thể gọi đó là thủ pháp lấy "gậy ông đập lưng ông" rất đích đáng của Hồ Chí Minh.

---

(1), (2) Nhận định của Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ngày 15 - 8 - 1945, trong sách *Chủ tịch Hồ Chí Minh* do Ban nghiên cứu lịch sử Đảng biên soạn, NXB Sự thật, H., 1970, tr. 63.

Mặt khác, mở đầu bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Việt Nam mà trích dẫn hai bản *Tuyên ngôn* kia thì có nghĩa là đặt ba cuộc cách mạng của nhân loại ngang bằng nhau, trong đó cách mạng Việt Nam đã cùng một lúc thực hiện nhiệm vụ của cả hai cuộc cách mạng Pháp và Mĩ. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* nêu rõ : "Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập" (đó là nhiệm vụ của cách mạng Mĩ). Bản *Tuyên ngôn* cũng viết : "Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hoà" (đó là nhiệm vụ của cách mạng Pháp).

Nhưng trong cuộc đối thoại với bọn đế quốc xâm lược thì vấn đề hàng đầu là vấn đề độc lập dân tộc. Vì thế, từ vấn đề nhân quyền, vấn đề quyền cá nhân đặt ra trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Mĩ, Hồ Chí Minh đã "suy rộng ra" về quyền dân tộc : "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do". Đây là một đóng góp lớn về tư tưởng của Người đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới sẽ phát triển mạnh mẽ vào nửa sau thế kỉ XX.

d) Cuộc tranh luận ngầm với luận điệu của thực dân Pháp

Luận điệu của thực dân Pháp nhằm chuẩn bị chiếm lại Việt Nam là gì và bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã bác bỏ luận điệu ấy như thế nào ?

– Chúng kẻ công "khai hoá", thì bản *Tuyên ngôn* kể tội (tội nặng nhất là gây ra nạn đói giết chết hơn hai triệu đồng bào ta từ Bắc Kỳ đến Quảng Trị).

– Chúng kẻ công "bảo hộ", thì bản *Tuyên ngôn* lên án chúng trong năm năm đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

– Chúng khẳng định Đông Dương là thuộc địa của chúng, thì bản *Tuyên ngôn* nói rõ, Đông Dương đã trở thành thuộc địa của Nhật và nhân dân ta đã đứng lên giành lại quyền độc lập từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp.

– Chúng nhân danh Đồng minh tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, vậy chúng có quyền lấy lại Đông Dương, thì bản *Tuyên ngôn* vạch rõ chúng chính là kẻ phản bội Đồng minh, đã hai lần dâng Đông Dương cho Nhật. Chỉ có Việt Minh (Việt Nam độc lập đồng minh hội) mới thực sự thuộc phe Đồng minh vì đã đứng lên đánh Nhật giải phóng Đông Dương.

Ngoài ra, bản *Tuyên ngôn* còn lên án tội ác dã man và tư cách đê tiện của thực dân Pháp : khi trốn chạy còn tàn sát các chiến sĩ cách mạng trong tù. Ngược lại, Việt Minh đã tỏ rõ lòng nhân đạo khi giúp đỡ chúng chạy qua biên giới.

Tất cả những lí lẽ và bằng chứng trên dẫn đến kết luận không ai phủ nhận được : "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập".

d) Về phong cách chính luận của Hồ Chí Minh qua bản *Tuyên ngôn Độc lập*

*Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện chính trị lớn, tổng kết cả một thời kì lịch sử của dân tộc, chứa đựng nhiều chân lí lớn, sức thuyết phục cao mà hết sức ngắn gọn, lời lẽ thì không thể trong sáng, giản dị hơn.

## 2. Về phương pháp

HS chuẩn bị bài dựa trên các câu hỏi trong SGK, đến lớp trả lời dưới sự hướng dẫn của GV. *Tuyên ngôn Độc lập* là bài nghị luận chính trị. Giá trị chủ yếu của văn nghị luận là lí lẽ đanh thép, lập luận chặt chẽ, luận cứ xác thực, có sức thuyết phục cao. Cần hướng dẫn HS lĩnh hội được những giá trị đó của bản *Tuyên ngôn*.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### 1. Phần mở đầu

GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm của văn chính luận, sức thuyết phục của nó ở đâu, khác với văn nghệ thuật (văn hình tượng) thế nào. Từ đó xác định phương hướng khai thác giá trị của *Tuyên ngôn Độc lập*.

#### 2. Phần nội dung chính

##### *Câu hỏi 1*

Căn cứ vào cách lập luận của tác giả, có thể chia văn bản *Tuyên ngôn Độc lập* ra làm ba phần. Phần 1, từ đầu tác phẩm đến "Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được" ; phần 2, từ câu tiếp theo đến "dân tộc đó phải được độc lập" ; phần 3 : phần còn lại<sup>(1)</sup>. GV chỉ cần đặt câu hỏi cho HS về nội dung khái quát của từng đoạn.

##### *Câu hỏi 2*

GV hướng dẫn HS, dựa vào phần *Tiểu dẫn*, trả lời về đối tượng của bản *Tuyên ngôn* (Viết cho ai ?).

---

(1) Có một cách chia khác, tuy cũng chia làm ba phần, nhưng phần 2 từ "Thế mà hơn 80 năm nay" đến "chứ không phải từ tay Pháp" ; phần 3 từ câu tiếp theo đến hết.

### **Câu hỏi 3**

GV đặt câu hỏi cho HS tìm hiểu ý nghĩa của việc trích dẫn lời văn của hai bản *Tuyên ngôn* của cách mạng Mĩ và Pháp trong phần mở đầu *Tuyên ngôn Độc lập*.

- Ý nghĩa đối với hệ thống lí lẽ của bản *Tuyên ngôn Độc lập*.
- Ý nghĩa của luận điểm "suy rộng ra" của Hồ Chí Minh từ bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Mĩ đối với phong trào giải phóng dân tộc.
- Sự trích dẫn như thế tỏ ra "vừa kiên quyết vừa khôn khéo" như thế nào trong thái độ đối với đế quốc Mĩ và thực dân Pháp ?

### **Câu hỏi 4**

GV nêu lên từng điểm trong luận điệu xảo trá của thực dân Pháp để HS trả lời về lí lẽ bác bỏ ngắn gọn mà đích đáng của bản *Tuyên ngôn Độc lập*.

### **Câu hỏi 5**

Gợi ý HS đối chiếu nội dung lớn của bản *Tuyên ngôn* với khuôn khổ bản *Tuyên ngôn* và cách diễn đạt của người viết, từ đó rút ra nhận xét về đặc điểm phong cách chính luận của Hồ Chí Minh.

## **3. Phần củng cố**

Hiểu được giá trị lịch sử to lớn của bản *Tuyên ngôn*. Nắm được hoàn cảnh ra đời và đối tượng (Viết cho ai ?) của tác phẩm. Hiểu và đánh giá được giá trị nghệ thuật của một áng văn chính luận mẫu mực và qua đó phần nào hiểu được đặc điểm phong cách chính luận của Hồ Chí Minh.

## **IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO**

- *Đại cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi và *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh đều là những bản tổng kết chiến thắng, đều khẳng định quyền độc lập của dân tộc bằng những lí lẽ đanh thép, những bằng chứng hùng hồn, đều thể hiện tư thế của một dân tộc anh hùng trước kẻ thù.

- Chỗ khác nhau của hai tác phẩm là : *Đại cáo bình Ngô* ra đời trong thời kì văn học gọi là "văn sử bất phân" nên bên cạnh yếu tố chính luận còn sáng tạo hình tượng có sức truyền cảm mạnh mẽ. *Tuyên ngôn Độc lập* thuộc thời hiện đại nên văn chính luận là văn chính luận. Ở đây, nhiệt tình của tác giả thể hiện chủ yếu ở sự mài sắc lí lẽ – sức mạnh chính của văn chính luận.

## **V – TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Nguyễn Đăng Mạnh, *Đọc văn chính luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ sau Cách mạng tháng Tám*, in trong *Tạp chí Văn học*, số 3 - 1986, tr. 3.

- Nguyễn Đăng Mạnh, *Tuyên ngôn Độc lập*, trong sách *Phân tích – bình giảng tác phẩm văn học 12 Nâng cao*, NXB Giáo dục, 2008.